

Số: 567 /SXD-KTVLXD

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2013

V/v: Hướng dẫn chuyển tiếp sang  
áp dụng bộ đơn giá được công bố lại  
Phần Khảo sát xây dựng và Định  
chính các bộ đơn giá Phần Xây dựng  
và Phần Lắp đặt trên địa bàn tỉnh  
Bình Dương năm 2013.

Kính gửi: - Các Sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh;  
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về  
quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn  
lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc Công bố Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương  
Phần lắp đặt và Phần sửa chữa;

Căn cứ Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc Công bố Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương  
Phần xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc Công bố Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương  
Phần khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc Công bố định chính Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh  
Bình Dương Phần Xây dựng và Phần Lắp đặt;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc Công bố lại Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình  
Dương Phần khảo sát xây dựng;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 19/3/2013 giữa các Sở, ngành và đơn vị liên  
quan tại Biên bản số 436/BB-SXD ngày 25/3/2013 về việc rà soát lại thủ tục pháp  
lý của việc xử lý chuyển tiếp khi ban hành các quyết định định chính cho Bộ đơn  
giá XDCT Phần Xây dựng, Phần Lắp đặt và công bố lại Bộ đơn giá XDCT Phần  
Khảo sát xây dựng theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số  
581/UBND-KTTH ngày 07/3/2013.

Nay Sở Xây dựng hướng dẫn việc chuyển tiếp sang áp dụng bộ đơn giá được  
công bố lại Phần Khảo sát xây dựng và định chính các bộ đơn giá Phần Xây dựng  
và Phần Lắp đặt trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2012, cụ thể như sau:

#### **I. Phạm vi áp dụng:**

1. Các bộ đơn giá khu vực tỉnh Bình Dương là cơ sở để xác định chi phí xây  
dựng trong dự toán, tổng dự toán, tổng mức đầu tư của các dự án sử dụng 30% vốn



nhà nước trở lên, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là vốn ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với hướng dẫn này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế đó.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng các bộ đơn giá này.

## **II. Xử lý thực hiện chuyển tiếp:**

1. Các công trình, hạng mục công trình xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng dự toán hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trước ngày 03/4/2013 và chủ đầu tư đã triển khai công tác đấu thầu thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo mà không phải lập lại dự toán, tổng dự toán theo Công bố đính chính Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương Phần Xây dựng và Phần Lắp đặt tại Quyết định số 806/QĐ-UBND và Công bố lại Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương Phần khảo sát xây dựng tại Quyết định số 806/QĐ-UBND.

2. Các công trình, hạng mục công trình xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng dự toán hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trước ngày 03/4/2013 và chủ đầu tư đã tổ chức quyết toán thì sẽ không phải điều chỉnh quyết toán lại theo Công bố đính chính và Bộ Đơn giá được công bố lại được nêu tại Khoản 1-II của văn bản này.

3. Kể từ ngày 03/4/2013 các công trình, hạng mục công trình xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng dự toán hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật nhưng chưa triển khai đấu thầu; các công trình, hạng mục công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình đang trong quá trình lập nhưng chưa thẩm định, thẩm tra hoặc đã thẩm định, thẩm tra; các công trình, hạng mục công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình chưa tổ chức quyết toán (đối với công trình chỉ định thầu, có điều chỉnh giá...) nên lập lại dự toán, tổng dự toán theo Công bố đính chính và Bộ Đơn giá được công bố lại được nêu tại Khoản 1-II của văn bản này.

4. Các công trình, hạng mục công trình thực hiện lập dự toán, tổng dự toán hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật từ ngày 03/4/2013 trở về sau đều phải lập dự toán, tổng dự toán theo Công bố đính chính và Bộ Đơn giá được công bố lại được nêu tại Khoản 1-II của văn bản này.

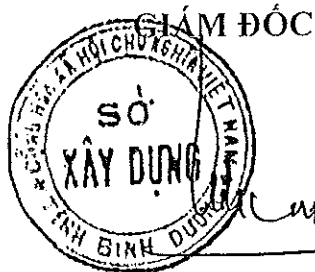
5. Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

Đối với các trường hợp khác thực hiện đúng theo tinh thần Hướng dẫn số 2321/SXD-KTVLXD ngày 23/12/2011 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn chuyển tiếp sang áp dụng các bộ đơn giá mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2012.

Trong quá trình thực hiện việc chuyển tiếp áp dụng công bố định chính Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương Phần Xây dựng và Phần Lắp đặt tại Quyết định số 806/QĐ-UBND và công bố lại Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương Phần khảo sát xây dựng tại Quyết định số 806/QĐ-UBND nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị gửi trực tiếp bằng văn bản về Sở Xây dựng./. *mu*

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như trên;
- ĐC Trần Thanh Liêm PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- GĐ, Các PGĐ;
- Các phòng, ban Sở;
- Lưu VP, P.KT&VLXD./.



*Trần Văn Dũng*





100-100-100

100-100-100

100-100-100

100-100-100

100-100-100

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 806/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2013.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố đính chính Bộ Đơn giá xây dựng công trình  
trên địa bàn tỉnh Bình Dương  
Phần Xây dựng và phần Lắp đặt**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 272/TTr-SXD ngày 19/02/2013 và Báo cáo số 438/BC-SXD ngày 25/3/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này bản đính chính:

1. Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương – Phần Xây dựng, được công bố kèm theo Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương.

2. Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương – Phần Lắp đặt, được công bố kèm theo Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và xử lý chuyển tiếp khi áp dụng đính chính sai sót tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *g*

- CT, các PCT;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP, Hg, Km, Thăng, TH;
- Lưu: VT. *g* 200



Trần Thanh Liêm

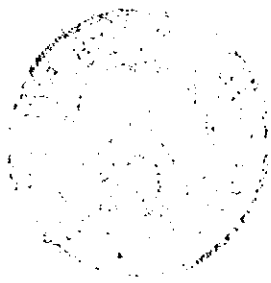
1951

1952

1953

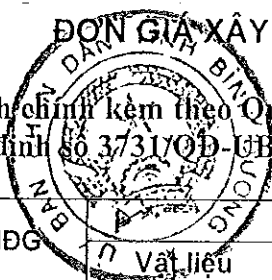
1954

1955



**ĐÍNH CHÍNH**  
**ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH – PHẦN XÂY DỰNG**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Đính chính kèm theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 cho Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương)



Trang	MHDG	Đã in			Sửa lại là		
		Vật liệu	N. công	Máy TC	Vật liệu	N. công	Máy TC
90	AB.27432			1,199,616			1,026,982
99	AB.41142			1.028.955			1.105.661
99	AB.41144			1.412.633			1.379.104
129	AB.63112			624.568			782.643
131	AB.66111			420,041			526,823
	AB.66112			600,422			752,654
	AB.66113			738,649			925,927
	AB.66114			820,721			1,028,808
134	AB.68500				Bỏ mục này		
139	AB.73230			6,686,034			6,665,864
160	AC.22211			35.353.109			37.708.048
160	AC.22221			37.708.048			35.353.109
162	AC.22721			18.062.150			29.607.852
162	AC.22722			19.196.913			31.653.486
201	AD.26111	95,347,657			17,531,807		
	AD.26121	105,680,765			17,531,807		
	AD.26122	138,063,959			17,531,807		
	AD.26123	152,437,712			17,531,807		
	AD.26211	95,347,657			17,531,807		
	AD.26221	105,680,765			17,531,807		
	AD.26222	138,063,959			17,531,807		
	AD.26223	152,437,712			17,531,807		
202	AD.26311	95,347,657			17,531,807		
	AD.26321	105,680,765			17,531,807		
	AD.26322	138,063,959			17,531,807		
	AD.26323	152,437,712			17,531,807		
238	AE.14413	1,067,775			1,025,575		
	AE.14414	1,099,936			1,057,736		
	AE.14415	1,135,922			1,093,722		
248	AE.32233	1,097,640			1,075,083		
	AE.32234	1,133,147			1,110,590		
	AE.32235	1,169,080			1,146,523		
	AE.32243	1,097,640			1,075,083		
	AE.32244	1,133,147			1,110,590		
	AE.32245	1,169,080			1,146,523		

272	AE.92310			746.561			874.632
398	AG.42211	73.609			64.611		
398	AG.42221	105.156			93.302		
398	AG.42231	126.187			110.762		
405	AI.11131			1,724,868			1,805,334
	AI.11132			3,577,453			3742105
416	AI.61111			1,927,499			2,008,082
440	AK.64110		350,885			280,708	
	AK.64120		350,885			280,708	
447	AK.81112		10,527			8,889	
	AK.81122		10,527			8,889	
469	AL.24112	216,582			239,262		
393	Dòng 12, 13, 14 từ trên xuống:						
	AG.21211	273,961	250,001	12,253			
	AG.21221	326,195	256,697	12,253			
	AG.21231	367,995	267,858	12,253			
	Sửa mã hiệu lại là :						
	AG.21111				202,456	174,108	14,715
	AG.21121				256,196	178,572	17,265
	AG.21131				298,857	183,036	17,265
393	Dòng 19, 20, 21 từ trên xuống						
	AG.21111	202,456	174,108	14,715			
	AG.21121	256,196	178,572	17,265			
	AG.21131	298,857	183,036	17,265			
	Sửa mã hiệu lại là :						
	AG.21211				273,961	250,001	12,253
	AG.21221				326,195	256,697	12,253
	AG.21231				367,995	267,858	12,253



Trang	Mã hiệu	Đã in			Sửa lại là	
		Công tác xây lắp			Công tác xây lắp	
123	Trên mã hiệu AB.58321	Phá đá đào hầm dẫn đứng từ dưới lên, tiết diện đào $\leq 5m^2$ , chiều cao $> 50m$ bằng tổ hợp máy khoan tay và dàn khoan leo.			Phá đá đào hầm dẫn nghiêng từ dưới lên, tiết diện đào $\leq 5m^2$ , chiều cao $\leq 50m$ bằng tổ hợp máy khoan tay và dàn khoan leo,	
165	AC.27110	- Ép cọc			- Nhổ cọc	
	AC.27120	- Nhổ cọc			- Ép cọc	
167	AC.29211	Nối cọc ống thép			Nối cọc thép hình	
	AC.29221	Nối cọc thép hình			Nối cọc ống thép	
213	AD.43111	- Ray P43-33 dài 12,5m			- Ray P43-38 dài 12,5m	
	AD.43211	- Ray P33-30, dài 12,5m			- Ray P43-38 dài 12m	
216	Dòng 8 từ trên xuống,	♣ Ray P43,			♣ Ray P43-44,	
419		AI.63400	AI.63411 AI.63421 AI.63431		AI.64100	AI.64111 AI.64121 AI.64131
		AI.64100	AI.64111 AI.64121 AI.64131 AI.64141 AI.64151		AI.64200	AI.64211 AI.64221 AI.64231 AI.64241 AI.64251

Trang 123, thêm :

Ghi chú : Khi chiều cao đào hầm (giếng)  $> 50m$  thì chi phí nhân công nhân với hệ số 1,2, chi phí máy thì công nhân với hệ số 1,05.

**ĐÍNH CHÍNH**  
**ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH – PHẦN LẤP ĐẶT**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Đính chính kèm theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 cho Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương)

Trang	Mã hiệu	Đã in	Sửa lại là
		Đơn vị	Đơn vị
94	BB.17300	đồng/100m	đồng/10m
	BB.17301	100m	10m
	BB.17302	100m	10m
	BB.17303	100m	10m
	BB.17304	100m	10m